

BÁO CÁO NGÀNH NGÂN HÀNG

QUÝ II/2026

NỘI DUNG CHÍNH

THÔNG ĐIỆP TRỌNG TÂM

**BỨC TRANH KẾT QUẢ KINH DOANH
NGÀNH NGÂN HÀNG QUÝ II/2026**

TRIỂN VỌNG NGÀNH 2026

CƠ HỘI ĐẦU TƯ

PHẦN 1



BỨC TRANH KẾT QUẢ KINH DOANH NGÀNH NGÂN HÀNG QUÝ II/2026

27 ngân hàng

Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	401.328	+48.5% YoY
LNST (nghìn tỷ đồng)	89.296	+25% YoY
Tổng tài sản (triệu tỷ đồng)	22.6	+6.7% YTD
VCSH (triệu tỷ đồng)	1.92	+19.6% YOY
Dư nợ tín dụng (triệu tỷ đồng)	15.4	+8.51% YTD
Huy động (triệu tỷ đồng)	16.5	+4.36% YTD
Tỷ lệ nợ xấu bình quân	2.41%	Giảm so với quý trước

Rủi ro ngành

- Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao trong khi huy động vốn phục hồi chậm có thể khiến cạnh tranh tiền gửi tiếp tục gia tăng trong nửa cuối năm, đặc biệt tại các ngân hàng có LDR cao và phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn thị trường. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục chịu áp lực giảm nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, chi phí vốn khó giảm tương ứng có thể khiến **NIM duy trì ở mức thấp và phân hóa mạnh giữa các ngân hàng**. Bên cạnh đó, tốc độ tín dụng tăng nhanh hơn huy động có thể làm gia tăng áp lực thanh khoản và lãi suất liên ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm khi nhu cầu vốn thường tăng cao. Đồng thời, **nợ xấu và nợ nhóm 2 có dấu hiệu gia tăng tại một số ngân hàng**, khiến chi phí dự phòng tiếp tục là yếu tố gây áp lực lên lợi nhuận. Các biến động về tỷ giá, lạm phát và môi trường lãi suất quốc tế cũng có thể hạn chế dự địa nổi lỏng chính sách tiền tệ của NHNN trong thời gian tới.

Doanh thu

Doanh thu toàn ngành tăng mạnh 48.5%yoy trong đó BID, VCB, CTG, MBB và VPB chiếm 51% doanh thu của 27 NH niêm yết

LNST

LNST vẫn tăng trưởng tích cực BID, VCB, CTG, MBB và VPB chiếm 58% lợi nhuận toàn ngành.

Tín dụng

Dư nợ cho vay tăng 8.51% YTD dẫn đầu vẫn là nhóm NH BID, VCB, CTG, MBB và VPB với tổng dư nợ nhóm này đạt hơn 8.7 triệu tỷ đồng.

ROA, ROE

Toàn ngành tăng trưởng suy giảm đa phần do sự cạnh tranh của các chi phí vốn đầu vào gia tăng.

Chất lượng tài sản

Tỷ lệ nợ xấu trung bình của 27 ngân hàng niêm yết giảm xuống còn 2.41%, nếu xét về số dư nợ xấu thì nợ xấu quý 2/2026 tăng khoảng 6% so với quý trước, đạt mức 309.6 nghìn tỷ.

Huy động

Huy động tăng 4.36% YTD chủ yếu tập trung vào nhóm ngân hàng quốc doanh và nhóm ngân hàng TMCP lớn.

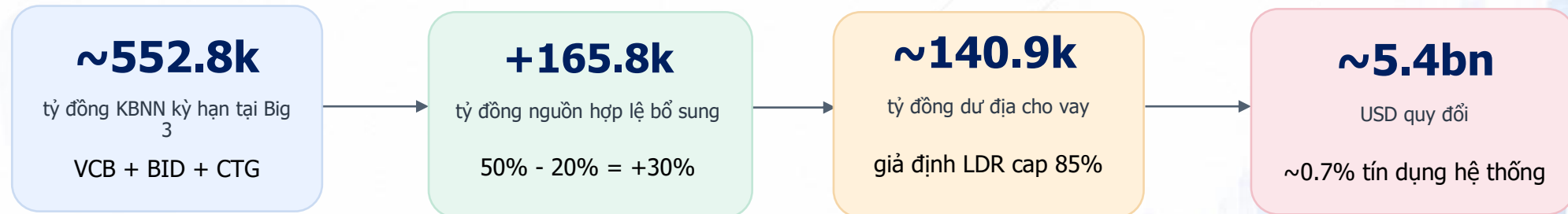
Triển vọng ngành

- Triển vọng ngành ngân hàng trong nửa cuối năm 2026 vẫn duy trì tích cực, với động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng tốc trong Q3–Q4 nhờ nhu cầu vốn từ sản xuất kinh doanh, đầu tư công, hạ tầng, FDI và tiêu dùng. Quy mô tín dụng mở rộng sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lợi nhuận, trong khi NIM khó phục hồi. Các ngân hàng có **CASA cao, thanh khoản tốt, bộ đệm vốn lớn và chất lượng tài sản ổn định** sẽ có lợi thế rõ rệt trong việc duy trì tăng trưởng tín dụng và kiểm soát chi phí vốn. Đồng thời, quá trình tăng vốn và triển khai các tiêu chuẩn an toàn cao hơn như **Basel III** sẽ tạo nền tảng để hệ thống ngân hàng nâng cao năng lực tài chính, cải thiện quản trị rủi ro và duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững hơn trong trung và dài hạn.

QĐ 1743/QĐ-NHNN: Nới LDR kỹ thuật qua tiền gửi KBNN kỳ hạn

Kết luận chính

- Tác động tích cực, tuy nhiên mang tính “nới kỹ thuật LDR” hơn là bơm thanh khoản mới; dư địa tín dụng bổ sung nhiều khả năng sẽ được định hướng vào đầu tư công/dự án trọng điểm thay vì phân bổ tự do theo cơ chế thị trường.
- Quyết định 1743 không tự tạo thêm tiền cho nền kinh tế mà giúp Big 3 chuyển một phần nguồn vốn KBNN đang hiện hữu thành năng lực cấp tín dụng hợp lệ hơn về mặt quy định. Đây là biện pháp hỗ trợ bảng cân đối, làm giảm áp lực trong ngắn hạn khi phải huy động thêm tiền gửi thị trường 1 để đáp ứng LDR. Nhờ đó, Big 3 có thể duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn mà không nhất thiết phải đẩy mạnh cạnh tranh lãi suất huy động trong ngắn hạn.
- Tác động này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các ngân hàng quốc doanh thường đảm nhận vai trò cung cấp vốn cho các dự án hạ tầng, năng lượng, giao thông và các doanh nghiệp nhà nước lớn. Việc nới mẫu số LDR giúp các ngân hàng có thêm năng lực tham gia các khoản cho vay hợp vốn hoặc tài trợ dự án có quy mô lớn, trong khi vẫn duy trì tỷ lệ an toàn theo quy định.



Tác động tích cực

- Giảm áp lực LDR tại Big 3
- Tăng năng lực giải ngân quy mô lớn
- Hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng/GDP

Không phải “tiền mới”

- Chỉ thay đổi phần được tính vào mẫu số LDR
- Không làm tăng tiền gửi thực tế
- Hiệu quả phụ thuộc kỳ hạn/rút vốn KBNN

Phân bổ có chọn lọc

- Ưu tiên dự án trọng điểm/đầu tư công
- Tác động trực tiếp thấp với NHTMCP tư nhân
- Agribank không hưởng lợi nếu KBNN không kỳ hạn

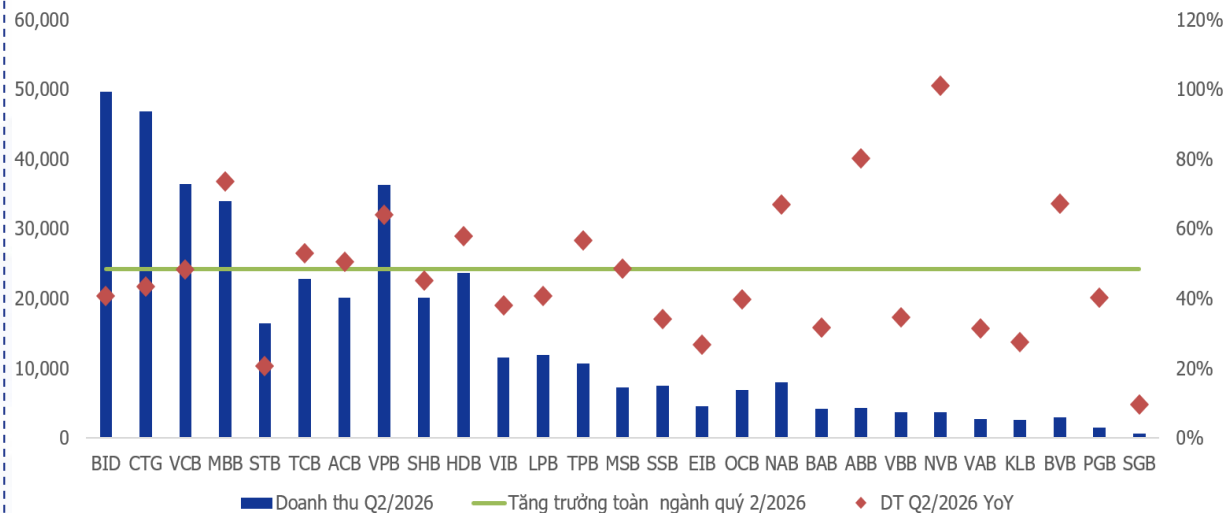
Những văn bản thay đổi

Văn bản	Ban hành/hiệu lực	Nội dung chính	Tác động
08/2026/TT-NHNN	15/05 / 15/05	Sửa TT22/2019 về cách tính LDR , trong đó loại trừ 80% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN khỏi mẫu số LDR, tức chỉ 20% được tính vào nguồn vốn huy động	Tiêu cực ngắn hạn đối với LDR , nhất là Big4 và NH có lượng tiền gửi KBNN lớn.
TT 25/2026/TT-NHNN	22/06 / 01/07	Tiếp tục sửa TT22/2019: TT25 quy định mặc định khấu trừ 80% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN khi tính LDR, đồng thời trao quyền cho Thống đốc NHNN quyết định một tỷ lệ khác trong từng thời kỳ . Trên cơ sở đó, QĐ1743 giảm tỷ lệ khấu trừ xuống 50% trong giai đoạn 01/08/2026–31/07/2028	Tích cực mạnh đối với thanh khoản và dư địa tín dụng ; giảm áp lực LDR, đặc biệt nhóm ngân hàng quốc doanh.
TT 29/2026/TT-NHNN	30/06 / 15/08	Sửa TT39/2016 về hoạt động cho vay; bổ sung quy định về khoản vay trong phương án cơ cấu TCTD, khoản vay giá trị nhỏ, thứ tự thu nợ và cho vay bằng phương tiện điện tử/eKYC	Tích cực , tăng tính linh hoạt trong cấp tín dụng và số hóa cho vay.
TT 27/2026/TT-NHNN	26/06 / 10/08	Sửa TT51/2024 về kiểm toán độc lập đối với NHTM, TCTD phi NH, TCVM và chi nhánh NH nước ngoài	Tăng yêu cầu về quản trị, kiểm soát và minh bạch; tác động lợi nhuận trực tiếp không lớn.
TT 21/2026/TT-NHNN	19/05 / 19/05	Sửa TT15/2024 về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	Hỗ trợ hoàn thiện hành lang thanh toán số.
TT 22/2026/TT-NHNN	19/05 / 19/05	Sửa TT40/2024 về dịch vụ trung gian thanh toán	Tác động tích cực đến hệ sinh thái fintech, ví điện tử và hợp tác ngân hàng–fintech.
TT 19/2026/TT-NHNN	19/05 / 30/06	Phân cấp thủ tục hành chính đối với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát – regulatory sandbox theo ND94/2025	Hỗ trợ fintech và đổi mới sản phẩm ngân hàng, nhưng tác động lợi nhuận ngắn hạn chưa lớn.
TT 07/2026/TT-NHNN	06/05 / 20/06	Sửa quy định về hoạt động môi giới tiền tệ của NHTM và chi nhánh NH nước ngoài	Hoàn thiện hoạt động thị trường tiền tệ/interbank.
TT 23/2026/TT-NHNN	10/06 / 10/06	Sửa các quy định về quản lý ngoại hối liên quan tới tổ chức không phải TCTD cung ứng dịch vụ ngoại hối	Tác động chủ yếu tới thị trường ngoại hối và phạm vi cạnh tranh dịch vụ FX.
TT 34/2026/TT-NHNN	30/06 / 31/07	Hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài	Hoàn thiện khung pháp lý cho dòng vốn đầu tư ra nước ngoài và dịch vụ FX của ngân hàng.



KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ II/2026

DOANH THU QUÝ II/2026



Kết quả tích cực tuy nhiên phân hóa mạnh mẽ.

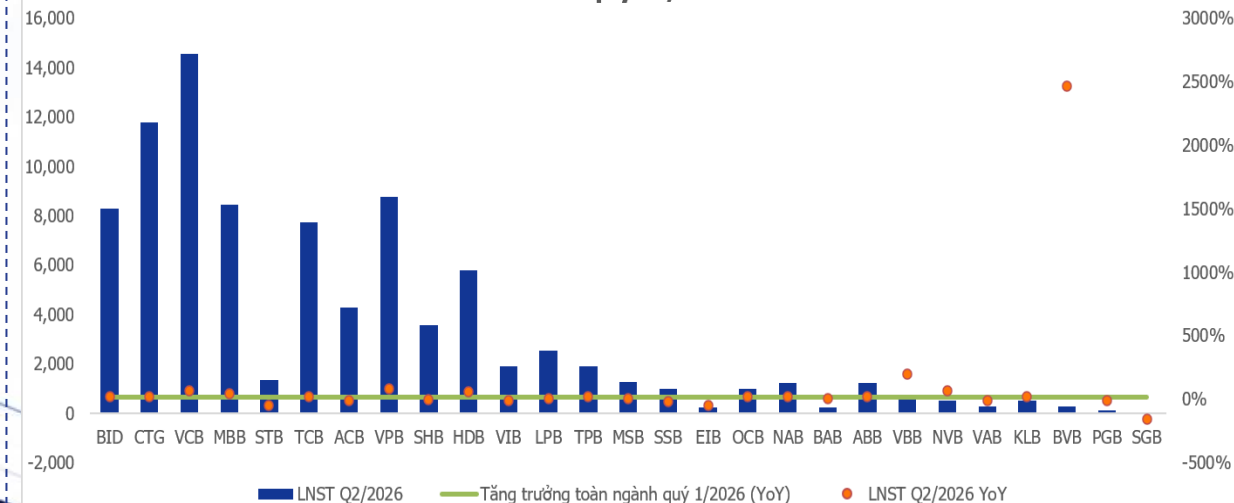
Trong Q2/2026, 18/27 ngân hàng niêm yết ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, trong khi 9 ngân hàng còn lại ghi nhận lợi nhuận suy giảm so với cùng kỳ, chủ yếu tập trung ở nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ.

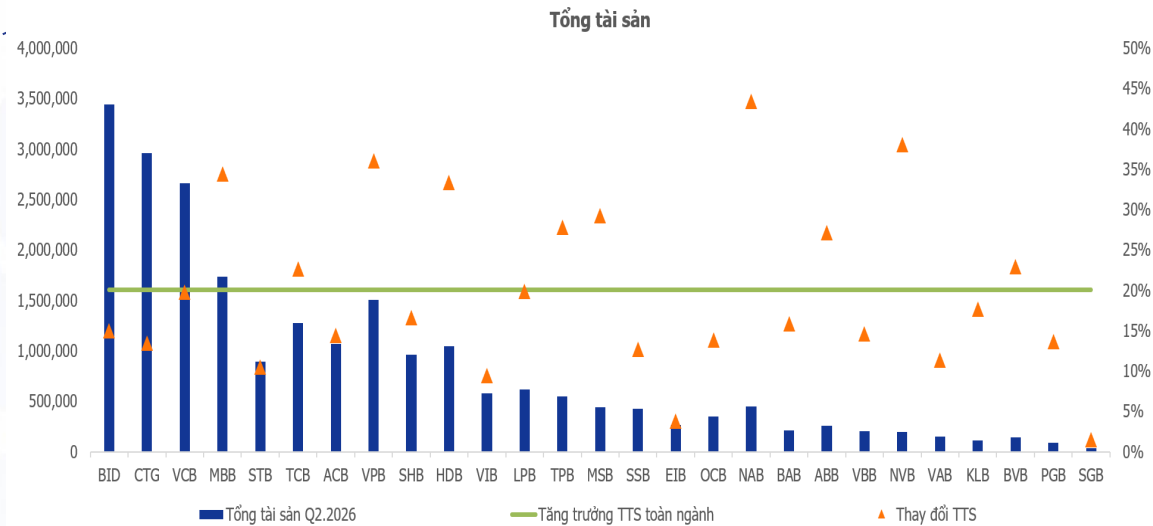
Sự phân hóa về kết quả kinh doanh ngày càng rõ nét trong bối cảnh tín dụng duy trì tốc độ tăng trưởng cao nhưng huy động vốn trên thị trường 1 chưa theo kịp, dẫn đến gia tăng áp lực cạnh tranh huy động và chi phí vốn. Áp lực này đặc biệt lớn đối với các ngân hàng có CASA thấp, LDR cao và khả năng tiếp cận nguồn vốn giá rẻ hạn chế, khi phải duy trì mặt bằng lãi suất huy động ở mức tương đối cao để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, dư địa cải thiện lợi suất tài sản bị hạn chế bởi định hướng duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, khiến NIM tiếp tục chịu áp lực và trở thành một trong những yếu tố chính tạo nên sự phân hóa lợi nhuận giữa các ngân hàng.

Tuy nhiên, bước sang nửa cuối năm, Quyết định 1743/QĐ-NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước được tính vào nguồn vốn huy động khi xác định LDR từ 20% lên 50% được kỳ vọng sẽ phần nào giảm áp lực huy động và tạo thêm dư địa tín dụng cho hệ thống, trong đó nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước như VCB, BID và CTG được hưởng lợi rõ nét hơn nhờ nắm giữ tỷ trọng lớn tiền gửi Kho bạc Nhà nước.

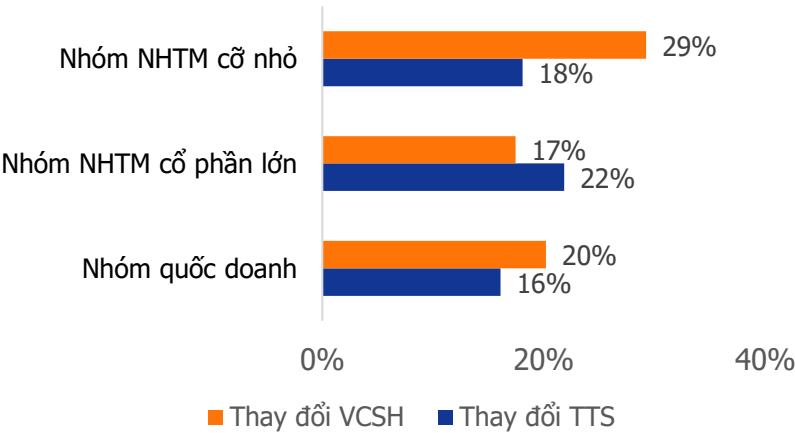
- **Doanh thu** đạt 401.328 nghìn tỷ đồng tăng 48.5% YoY
- **Lợi nhuận sau thuế** đạt 89.296 nghìn tỷ đồng, tăng 25% YoY.
- **Tăng trưởng tín dụng** tính đến hết quý II/2026 của 27 ngân hàng niêm yết đạt **8.51% YTD**, đây là mức tăng trưởng tương đối cao trong nửa đầu năm và tạo nền tảng tích cực cho tăng trưởng thu nhập lãi trong các quý còn lại. Tuy nhiên, tốc độ tín dụng duy trì cao cũng đang làm gia tăng áp lực huy động vốn, đặc biệt tại các ngân hàng có **LDR cao và nền CASA thấp**, qua đó có thể khiến chi phí vốn tăng và hạn chế khả năng cải thiện NIM.

LNST quý II/2026





Thay đổi TTS - VCSH so với cùng kỳ

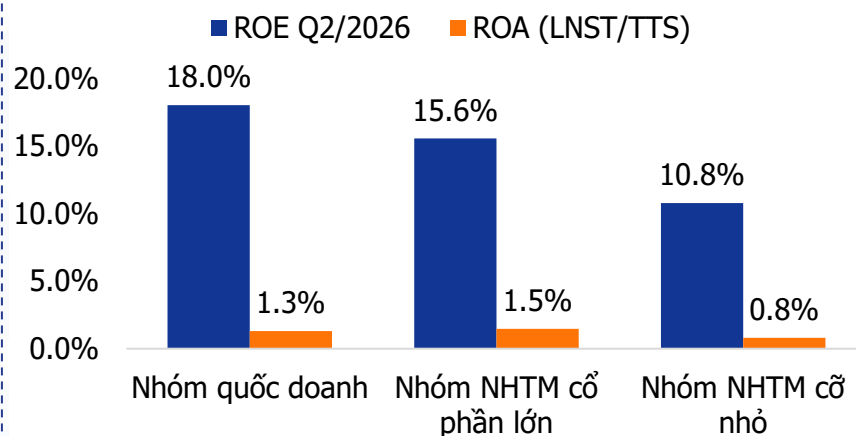


Tổng tài sản (triệu tỷ đồng)	VCSH (triệu tỷ đồng)
22.6	1.92
+20.0% YoY	+19.6% YoY
+6.73% YTD	+8.0% YTD

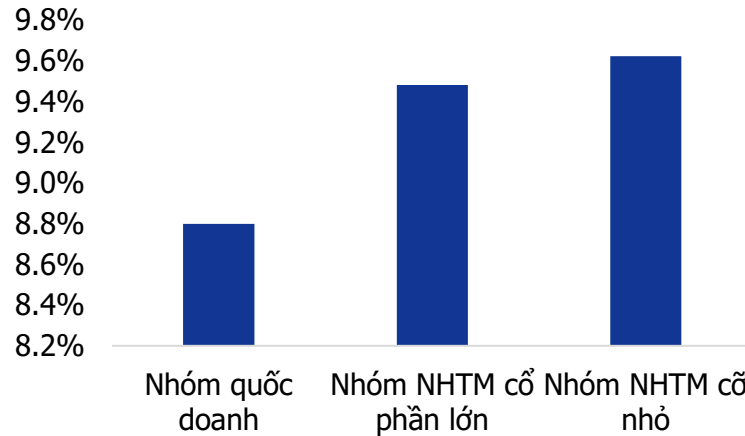
- Tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, đạt khoảng 22.6 triệu tỷ đồng, tăng 20% svck và 6.73% so với đầu năm.**
- Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ nhóm NHTMCP cỡ trung, trong đó MBB, VPB và HDB ghi nhận mức tăng tổng tài sản lần lượt khoảng 34%, 36% và 33% svck, trong khi VCB tăng khoảng 20%. Diễn biến này cho thấy xu hướng mở rộng bảng cân đối vốn tập trung tại các ngân hàng có nền tảng vốn tốt, khả năng tăng trưởng tín dụng cao và hệ sinh thái khách hàng rộng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng thu nhập trong các quý còn lại của năm.
- Xét theo mức tăng từ đầu năm, tổng tài sản của nhóm ngân hàng quốc doanh gồm VCB, CTG và BID tăng lần lượt 9%, 7% và 3% YTD, trong khi nhóm NHTMCP cỡ trung như VPB và HDB ghi nhận mức tăng cao hơn, lần lượt đạt 19% và 12%. Đáng chú ý, VPB và HDB đã từng bước hoàn thiện hệ sinh thái tài chính gồm ngân hàng – tài chính tiêu dùng – chứng khoán – bảo hiểm, qua đó tạo điều kiện mở rộng tệp khách hàng, gia tăng bán chéo sản phẩm và đa dạng hóa nguồn thu.
- NSI cho rằng tốc độ mở rộng tổng tài sản sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm, đặc biệt tại các ngân hàng có CAR tốt và khả năng huy động vốn ổn định. Tuy nhiên, tăng trưởng tài sản nhanh cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt thanh khoản, chất lượng tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn, do đó mức độ phân hóa giữa các ngân hàng nhiều khả năng sẽ tiếp tục gia tăng.
- Xu hướng năm 2026, ngành ngân hàng được kỳ vọng tiếp tục phân hóa mạnh, đặc biệt sau khi QĐ 1743/QĐ-NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của KBNN được tính vào nguồn vốn huy động khi xác định LDR từ 20% lên 50%.**
- Chính sách này tạo lợi thế rõ hơn cho nhóm ngân hàng quốc doanh nhờ nắm giữ phần lớn tiền gửi KBNN, qua đó giảm áp lực huy động trên thị trường 1 và mở rộng dư địa tăng trưởng tín dụng. Trong khi đó, nhóm NHTMCP vừa và nhỏ hưởng lợi trực tiếp hạn chế hơn và vẫn đối mặt với áp lực cạnh tranh huy động, khiến chi phí vốn và NIM tiếp tục là yếu tố tạo nên sự phân hóa lợi nhuận trong nửa cuối năm.

Nguồn: BCTC ngân hàng

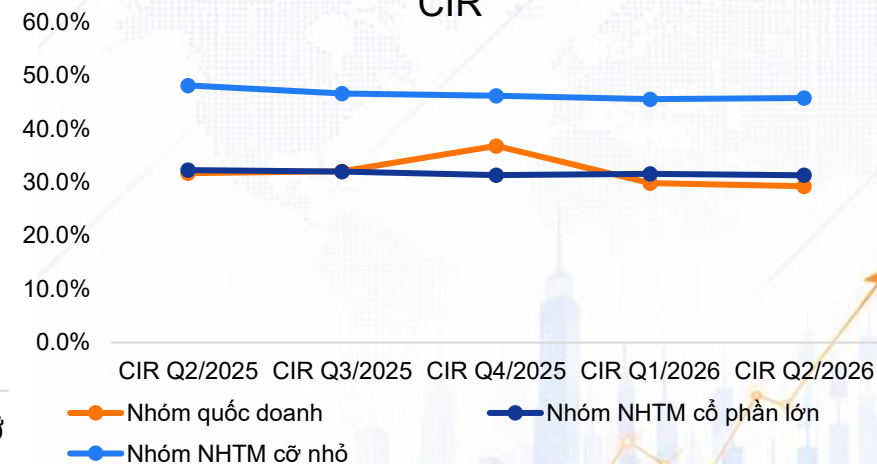
ROE - ROA



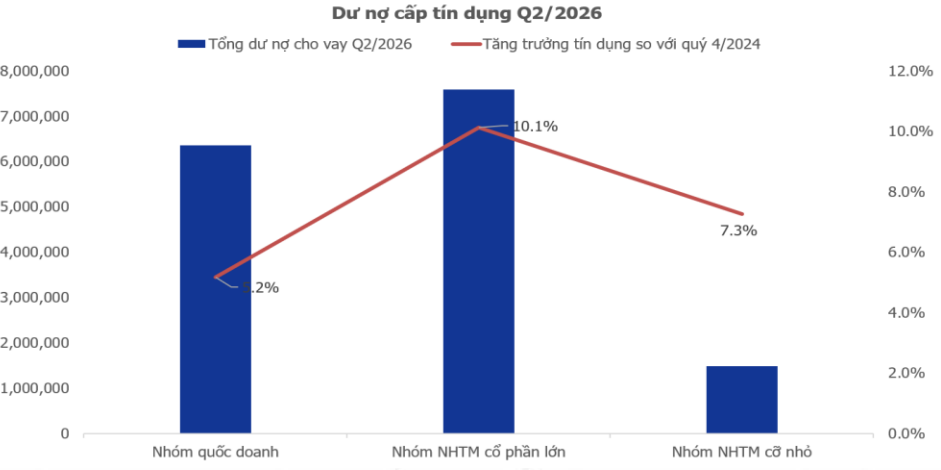
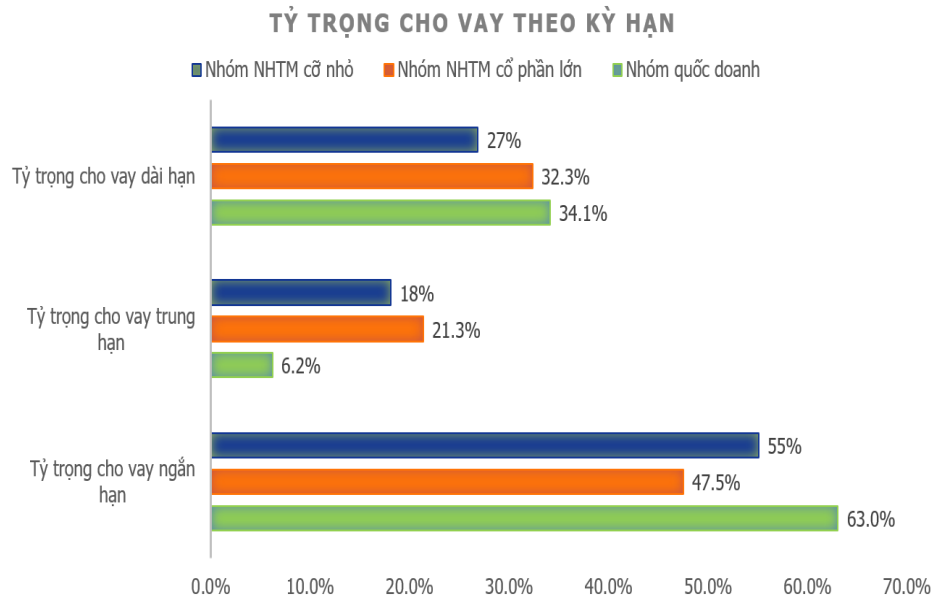
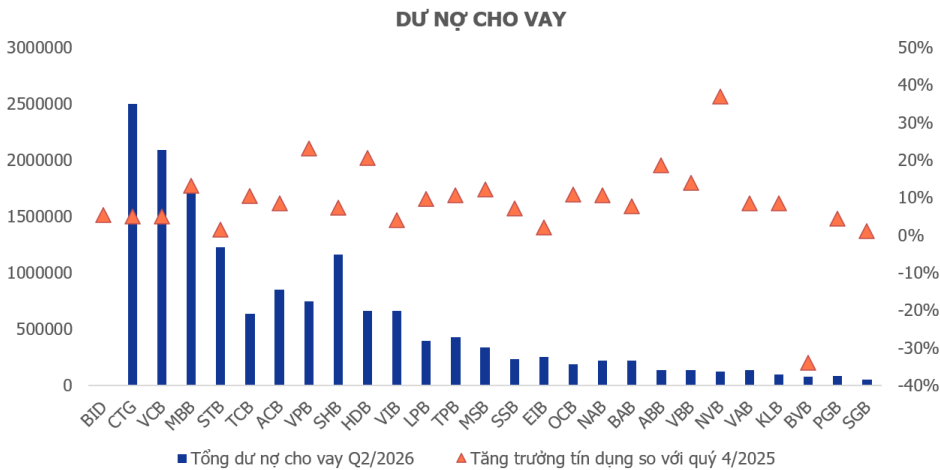
CAR THEO BASEL II Q2/2026



CIR



- Hiệu quả sinh lời giữa các nhóm ngân hàng tiếp tục phân hóa rõ rệt. **Nhóm NHTMCP cổ trung và nhóm ngân hàng quốc doanh đang dẫn đầu, với ROE/ROA lần lượt khoảng 15.6%/1.5% và 18%/1.3%.** Kết quả này phản ánh lợi thế về cơ cấu tín dụng, khả năng duy trì NIM, quy mô hoạt động lớn và chi phí vốn thấp tại các ngân hàng đầu ngành. Trong khi đó, nhóm ngân hàng nhỏ chỉ ghi nhận ROE khoảng 10.8% và ROA khoảng 0.8%, cho thấy áp lực lớn hơn về biên lợi nhuận, chi phí vốn và chất lượng tài sản.
- Về an toàn vốn theo Basel II, nhóm NHTMCP cổ trung tiếp tục duy trì hệ số CAR cao nhất, khoảng 9-10%,** qua đó tạo dư địa thuận lợi cho tăng trưởng tín dụng và khả năng hấp thụ rủi ro khi quy mô tài sản mở rộng. Nhóm ngân hàng nhỏ duy trì CAR quanh 9-10%, vẫn ở mức tương đối an toàn nhưng khả năng bổ sung vốn nội tại còn hạn chế. Nhóm ngân hàng quốc doanh có CAR thấp hơn, quanh mức 8%, do quy mô tài sản có rủi ro lớn và tốc độ tăng trưởng tín dụng cao trong khi quá trình bổ sung vốn chưa theo kịp tốc độ mở rộng bảng cân đối. Bên cạnh đó, việc tăng vốn tại nhóm này còn phụ thuộc nhiều vào kế hoạch cấp vốn của Nhà nước hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, khiến dư địa tăng trưởng tín dụng và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn Basel III trong tương lai chịu nhiều áp lực hơn.
- Về hiệu quả hoạt động, CIR tiếp tục cho thấy sự phân hóa rõ giữa các nhóm ngân hàng. **Nhóm ngân hàng quốc doanh duy trì CIR thấp nhất, khoảng 28-32%, nhờ lợi thế quy mô, nền doanh thu lớn và khả năng kiểm soát chi phí tốt.** Nhóm NHTMCP cổ trung ghi nhận CIR khoảng 30-35%, trong khi nhóm ngân hàng nhỏ có CIR cao nhất, khoảng 46-48%, phản ánh hạn chế về quy mô và hiệu quả vận hành. Chúng tôi cho rằng khoảng cách này sẽ tiếp tục duy trì trong thời gian tới, khi các ngân hàng lớn có nhiều lợi thế hơn trong việc tối ưu chi phí và đẩy mạnh số hóa, trong khi nhóm ngân hàng nhỏ vẫn chịu áp lực cải thiện hiệu quả hoạt động.



Dư nợ tín dụng: 15.4 triệu tỷ đồng

27 ngân hàng niêm yết: +8.5% YTD

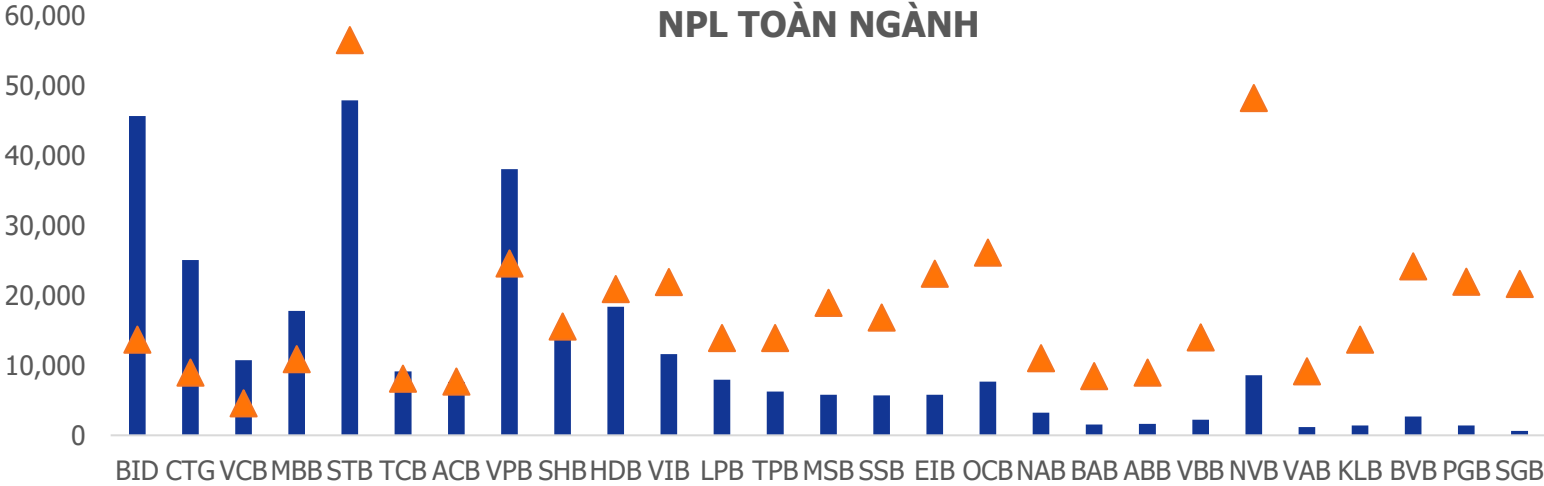
NH quốc doanh: +5.2% YTD

NH cỡ trung: +10.1% YTD

NH cỡ nhỏ: -7.3% YTD

Tăng trưởng tín dụng quý II/2026 của 27 ngân hàng niêm yết đạt 8.5% YTD, tương đương khoảng 1,208 nghìn tỷ đồng được đưa vào nền kinh tế và nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng tốc trong các quý tới khi hoạt động sản xuất – kinh doanh phục hồi rõ nét hơn. **Tốc độ tăng trưởng tín dụng trong quý II cao hơn quý I** chủ yếu nhờ nhu cầu vốn của doanh nghiệp cải thiện, giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh và các ngân hàng chủ động mở rộng tín dụng tại các lĩnh vực sản xuất, tiêu dùng và bất động sản. Bên cạnh đó, định hướng điều hành tín dụng theo hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cũng tạo điều kiện để các ngân hàng đẩy nhanh giải ngân trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, tín dụng tăng nhanh cũng kéo theo áp lực lớn hơn lên huy động vốn, thanh khoản và NIM, đặc biệt tại các ngân hàng có LDR cao. **Tăng trưởng tín dụng bứt phá chủ yếu đến từ nhóm NHTMCP cỡ trung, đặc biệt là các ngân hàng tham gia nhận chuyển giao bắt buộc như VPB (+23%) và HDB (+18.76%).** Động lực tăng trưởng đến từ việc mở rộng quy mô sau tái cấu trúc, đồng thời đẩy mạnh cho vay bán lẻ và sản xuất – kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tín dụng cao cũng đặt ra một số áp lực đáng lưu ý. Thứ nhất, CAR có thể suy giảm khi tài sản có rủi ro tăng nhanh, buộc các ngân hàng phải đẩy mạnh tăng vốn điều lệ hoặc giữ lại lợi nhuận để bổ sung vốn tự có. Thứ hai, áp lực huy động vốn và thanh khoản có thể gia tăng trong bối cảnh cạnh tranh lãi suất ngày càng gay gắt và các yêu cầu thanh khoản theo Basel III dần được áp dụng chặt chẽ hơn.

NPL TOÀN NGÀNH



8.0%
7.0%
6.0%
5.0%
4.0%
3.0%
2.0%
1.0%
0.0%

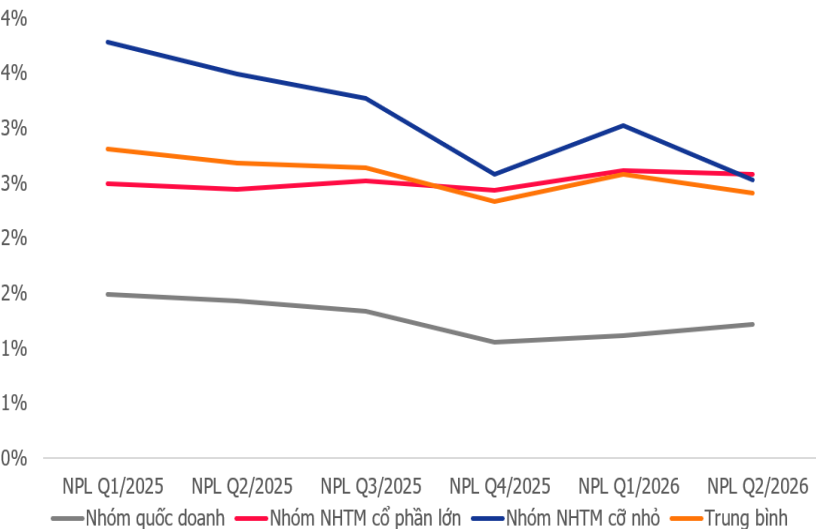
Trong Q2/2026, dư nợ xấu nội bảng của 27 ngân hàng niêm yết ghi nhận mức tăng 18 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với quý trước. Tổng nợ xấu của 27 ngân hàng niêm yết đạt 309.6 nghìn tỷ đồng.

Tỷ lệ nợ xấu bình quân của 27 ngân hàng niêm yết giảm về mức 2.41%, tuy nhiên số dư nợ xấu tuyệt đối vẫn tiếp tục gia tăng, cho thấy áp lực chất lượng tài sản chưa thực sự được cải thiện tương ứng. Việc tỷ lệ nợ xấu giảm chủ yếu đến từ mẫu số dư nợ tín dụng tăng nhanh, qua đó làm pha loãng tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ. Diễn biến này cho thấy **rủi ro nợ xấu tiềm ẩn vẫn hiện hữu, đặc biệt khi tín dụng đang tăng tốc và một phần dư nợ mới chưa trải qua đầy đủ chu kỳ đánh giá chất lượng.**

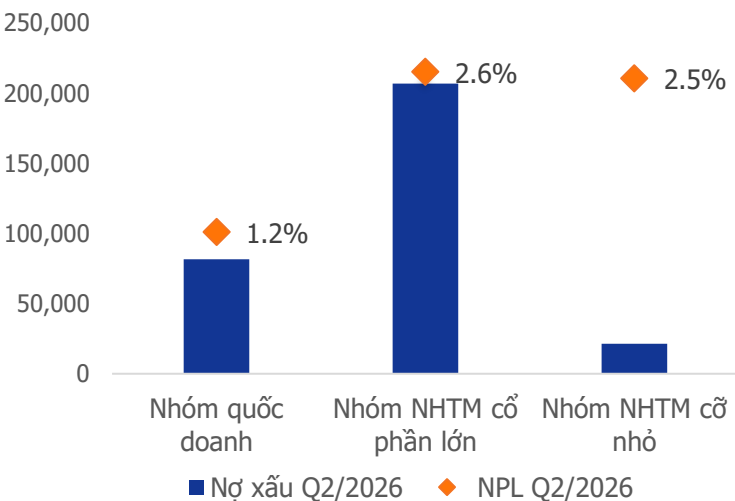
NSI cho rằng trong nửa cuối năm, cần tiếp tục theo dõi sát nợ nhóm 2, tốc độ hình thành nợ xấu mới và mức độ bao phủ nợ xấu, bởi đây sẽ là các yếu tố quyết định áp lực chi phí dự phòng và mức độ bền vững của tăng trưởng lợi nhuận.

Sang các quý tiếp theo của năm 2026, dự báo tỷ lệ nợ xấu tiếp tục xu hướng giảm nhẹ nhưng mức cải thiện không lớn, chủ yếu nhờ tăng trưởng tín dụng được thúc đẩy để hỗ trợ nền kinh tế, qua đó giúp giảm áp lực nợ xấu trong ngắn hạn thay vì phản ánh sự cải thiện thực sự về chất lượng tài sản.

NPL 6 quý gần nhất

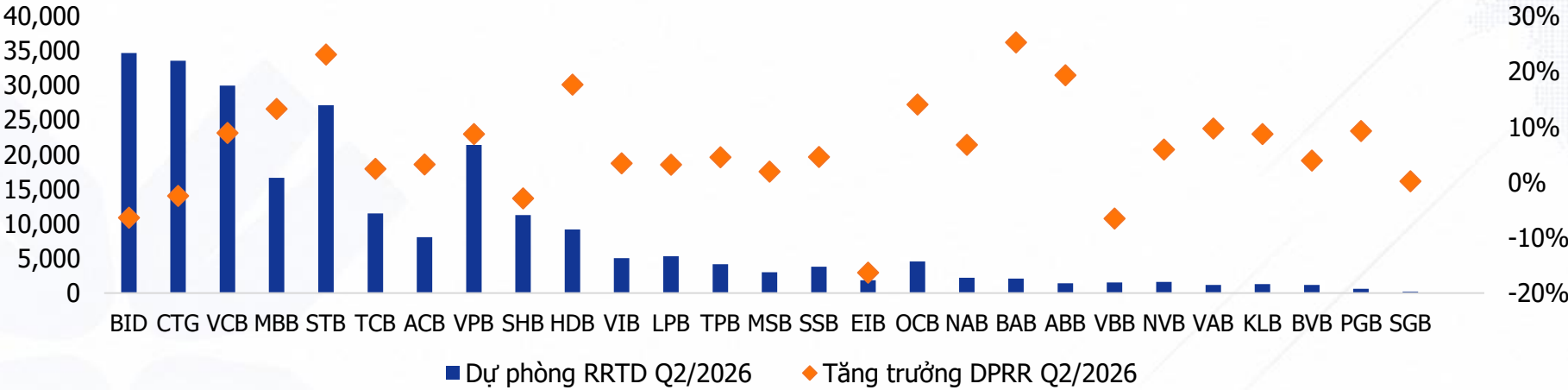


NPL

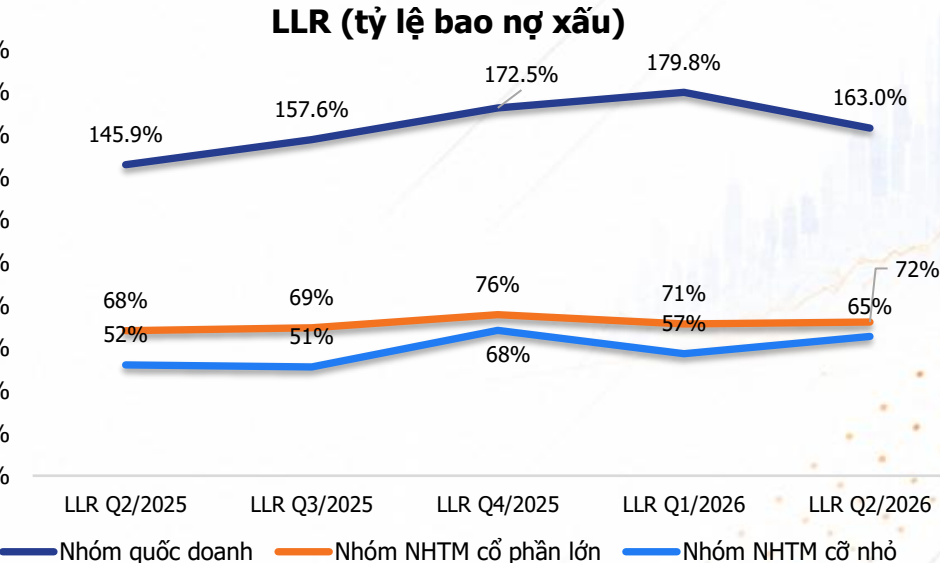
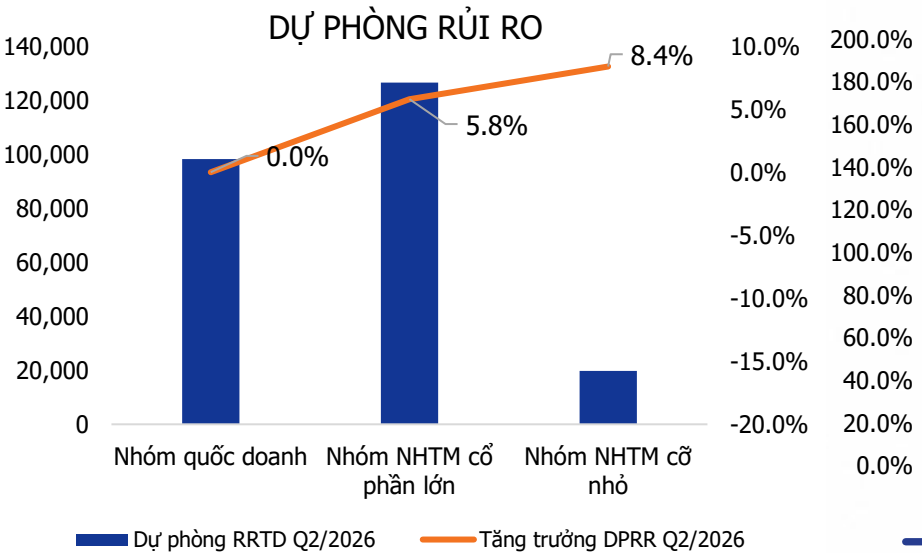


3.0%
2.5%
2.0%
1.5%
1.0%
0.5%
0.0%

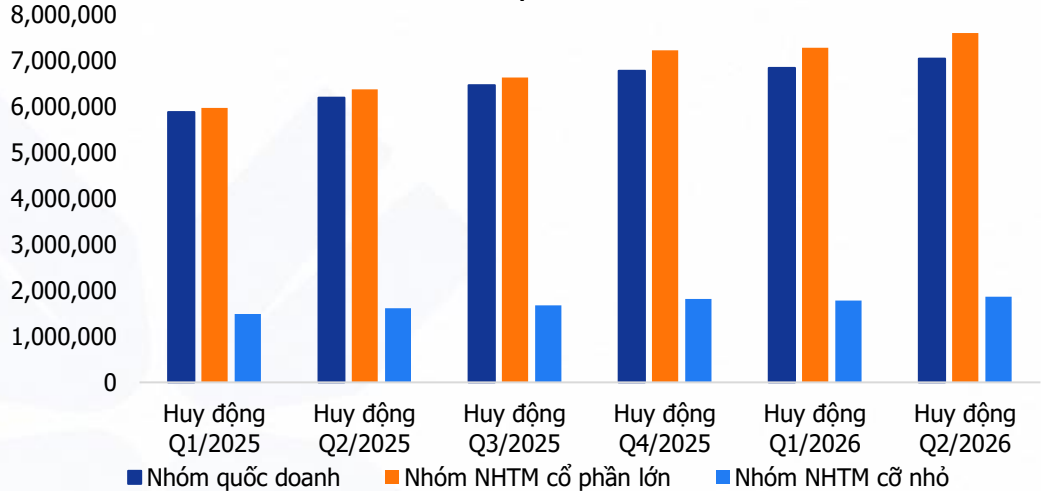
DỰ PHÒNG RỦI RO NỢ XẤU



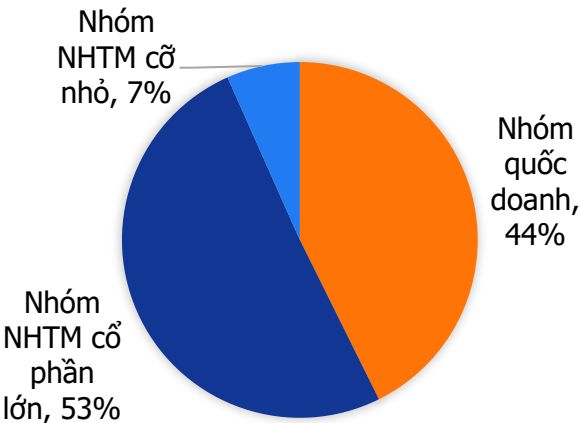
Trong quý II/2026, tổng dự phòng rủi ro tín dụng của 27 ngân hàng niêm yết đạt 244.666 nghìn tỷ đồng, tăng 11.570 nghìn tỷ đồng (+5% QoQ). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLCR) bình quân tăng thêm khoảng 2 điểm % lên 79%, cho thấy các ngân hàng tiếp tục chủ động củng cố bộ đệm dự phòng trong bối cảnh số dư nợ xấu duy trì xu hướng gia tăng và liên tục thiết lập mức cao mới. Trong đó, **LLCR của nhóm NHTMCP cổ trung và nhóm ngân hàng nhỏ cải thiện lên lần lượt khoảng 72% và 65%**, phản ánh nỗ lực tăng cường khả năng hấp thụ rủi ro tín dụng. **Ở chiều ngược lại, LLCR của nhóm NHTM quốc doanh giảm xuống khoảng 163%**; dù vẫn cao nhất hệ thống, xu hướng suy giảm cho thấy tốc độ gia tăng nợ xấu đang nhanh hơn mức bổ sung dự phòng tại nhóm này. **Chúng tôi cho rằng áp lực dự phòng vẫn sẽ duy trì trong nửa cuối năm, đặc biệt tại các ngân hàng có tốc độ hình thành nợ xấu cao và bộ đệm LLCR thấp.** Do đó, khả năng kiểm soát credit cost và duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu sẽ tiếp tục là yếu tố quan trọng quyết định mức độ phân hóa lợi nhuận giữa các ngân hàng trong các quý tới.



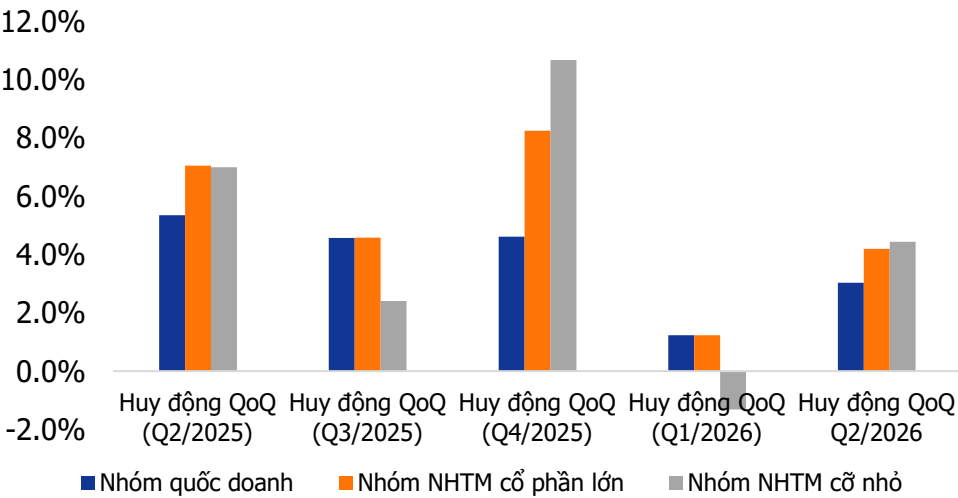
HUY ĐỘNG VỐN



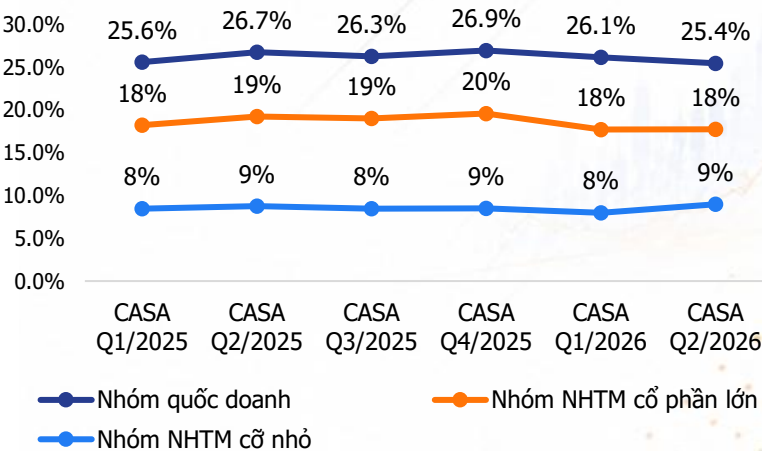
TỶ TRỌNG HUY ĐỘNG



TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG QOQ



CASA



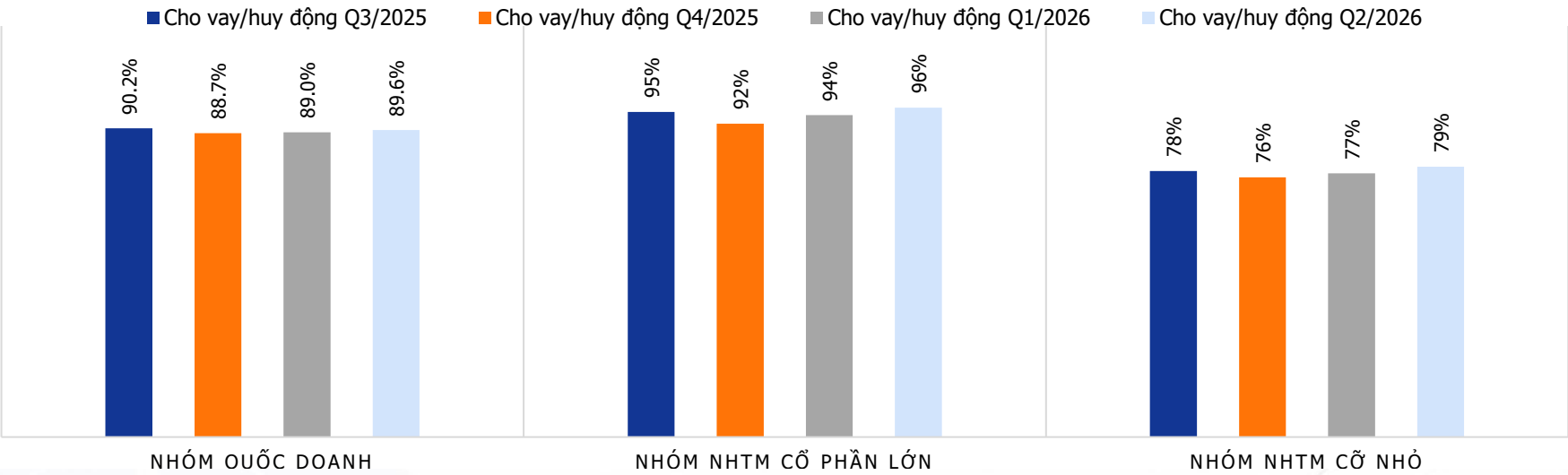
Trong quý II/2026, tổng huy động vốn của 27 ngân hàng niêm yết đạt 16.527 triệu tỷ đồng, tăng 4.36% so với cuối năm 2025 và khoảng 16.4% svck.

Dù huy động vẫn duy trì tăng trưởng tích cực, tốc độ này vẫn chậm hơn tăng trưởng tín dụng, cho thấy áp lực thanh khoản hệ thống vẫn hiện hữu.

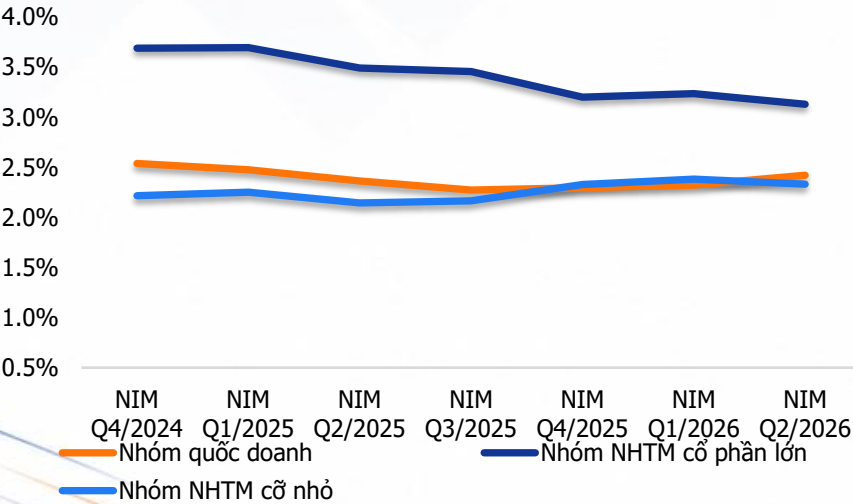
Đáng chú ý, chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động đang khiến LDR có xu hướng gia tăng, qua đó làm tăng cạnh tranh huy động trên thị trường 1 và gây áp lực lên chi phí vốn. Tuy nhiên, QĐ 1743/QĐ-NHNN nâng tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn của KBNN được tính vào nguồn vốn huy động khi xác định LDR từ 20% lên 50% được kỳ vọng sẽ phần nào giảm áp lực này, đặc biệt đối với nhóm ngân hàng quốc doanh đang nắm giữ lượng lớn tiền gửi KBNN.

Chúng tôi cho rằng **trong nửa cuối năm, các ngân hàng có CASA cao, nguồn vốn ổn định và hưởng lợi từ QĐ 1743 sẽ có lợi thế rõ hơn trong việc duy trì NIM và mở rộng tín dụng.** Tuy nhiên, QĐ 1743 chủ yếu tạo thêm dư địa về mặt tỷ lệ an toàn chứ không trực tiếp bổ sung thanh khoản mới, do đó áp lực huy động vẫn có thể quay trở lại nếu tín dụng tiếp tục tăng nhanh hơn tiền gửi. Điều này sẽ khiến khả năng kiểm soát chi phí vốn trở thành một trong những yếu tố quyết định mức độ phân hóa lợi nhuận giữa các ngân hàng trong nửa cuối năm.

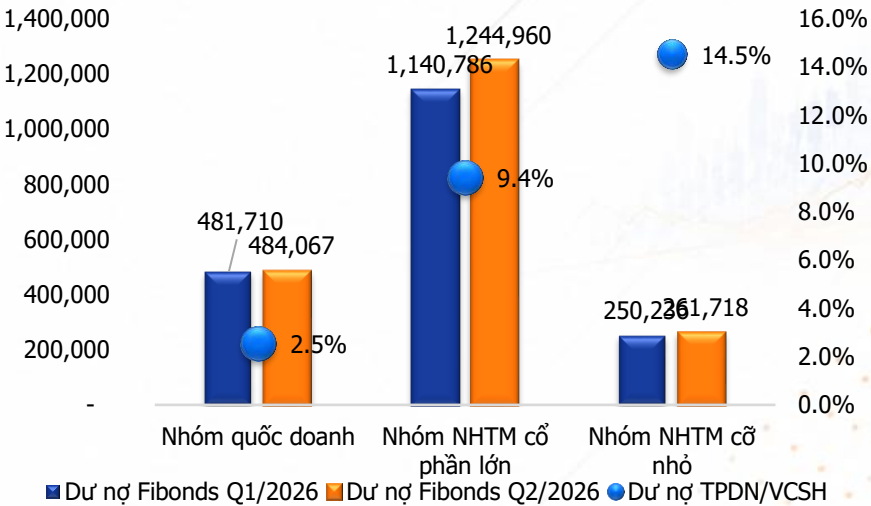
CHO VAY/HUY ĐỘNG 4 QUÝ GẦN NHẤT



NIM



TRÁI PHIẾU CỦA TCTD



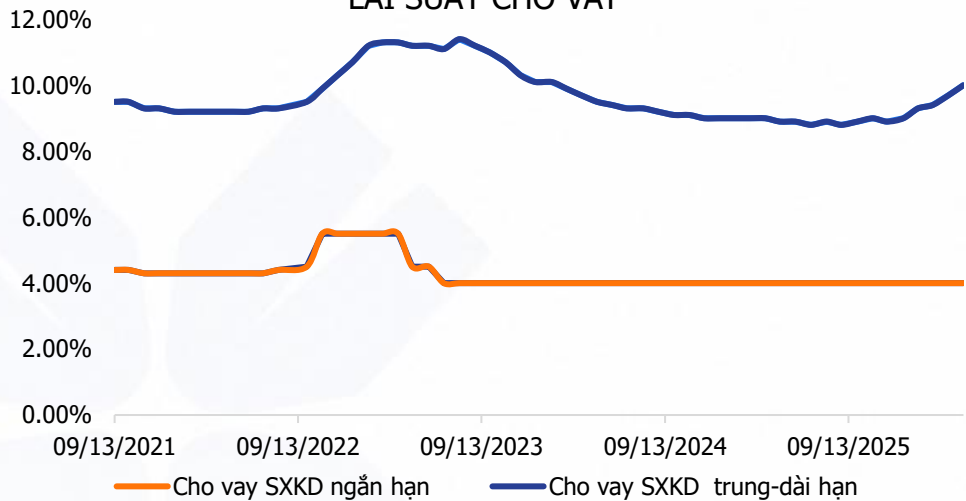
Tăng trưởng tín dụng quý II/2026 tăng mạnh trong khi huy động vốn phục hồi chậm hơn khiến tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) toàn ngành tăng thêm khoảng 2 điểm % so với quý trước, lên mức 88%. Trong đó, nhóm NHTMCP cổ trung chịu áp lực lớn nhất khi LDR đã tăng lên khoảng 96%, tiếp theo là nhóm ngân hàng quốc doanh, phản ánh sự chênh lệch ngày càng rõ giữa tốc độ mở rộng tín dụng và khả năng huy động vốn. Diễn biến này cho thấy áp lực cân đối nguồn vốn và thanh khoản đang gia tăng, đặc biệt tại các ngân hàng có tăng trưởng tín dụng cao và nền CASA thấp. Chúng tôi cho rằng trong nửa cuối năm, cạnh tranh huy động trên thị trường 1 sẽ tiếp tục duy trì, qua đó tạo áp lực lên chi phí vốn và khả năng cải thiện NIM. Tuy nhiên, QĐ 1743/QĐ-NHNN được kỳ vọng sẽ phần nào giảm áp lực LDR tại nhóm ngân hàng quốc doanh, qua đó tạo thêm dư địa cho tăng trưởng tín dụng.

Về NIM, biên lãi ròng toàn ngành vẫn chịu áp lực thu hẹp, đặc biệt tại nhóm NHTMCP, trong khi nhóm ngân hàng quốc doanh đã cải thiện trở lại trong hai quý gần đây nhờ lợi thế về chi phí vốn và cơ cấu nguồn vốn ổn định hơn. Trong bối cảnh cạnh tranh huy động gia tăng nhưng lãi suất cho vay vẫn được duy trì ở mức thấp, các ngân hàng có CASA cao như TCB, MBB sẽ có lợi thế hơn trong việc bảo vệ NIM; đồng thời, nhóm ngân hàng quốc doanh được kỳ vọng hưởng lợi từ QĐ 1743/QĐ-NHNN, qua đó giảm phần nào áp lực huy động và chi phí vốn. Chúng tôi cho rằng NIM trong nửa cuối năm khó phục hồi mạnh và sẽ tiếp tục phân hóa giữa các ngân hàng.

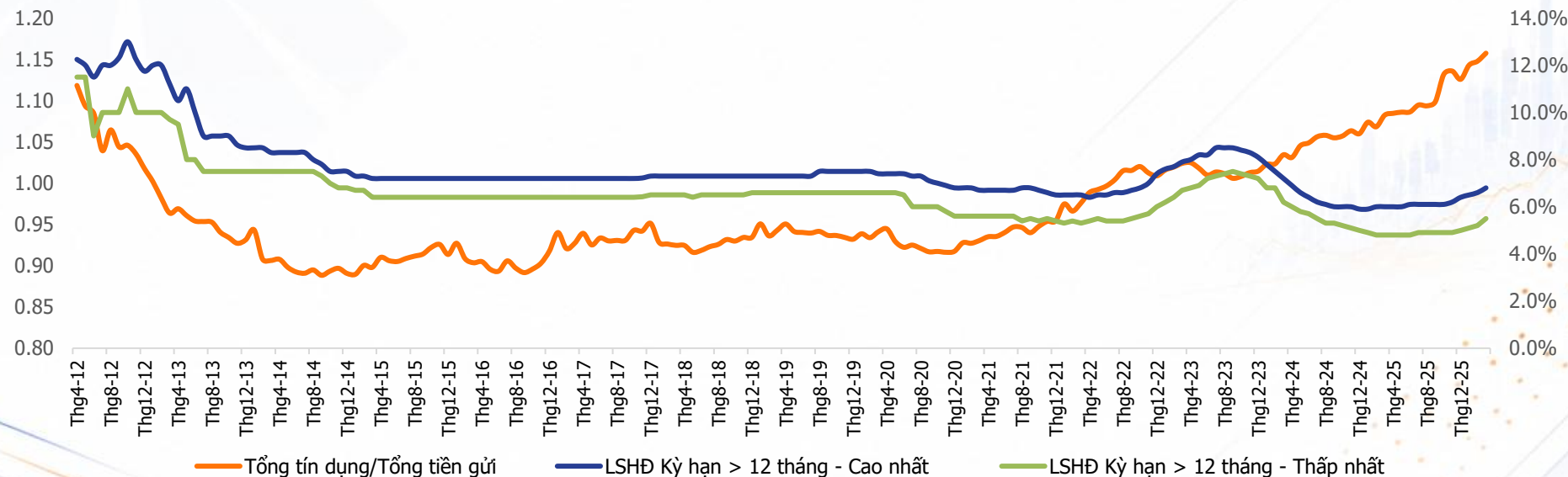
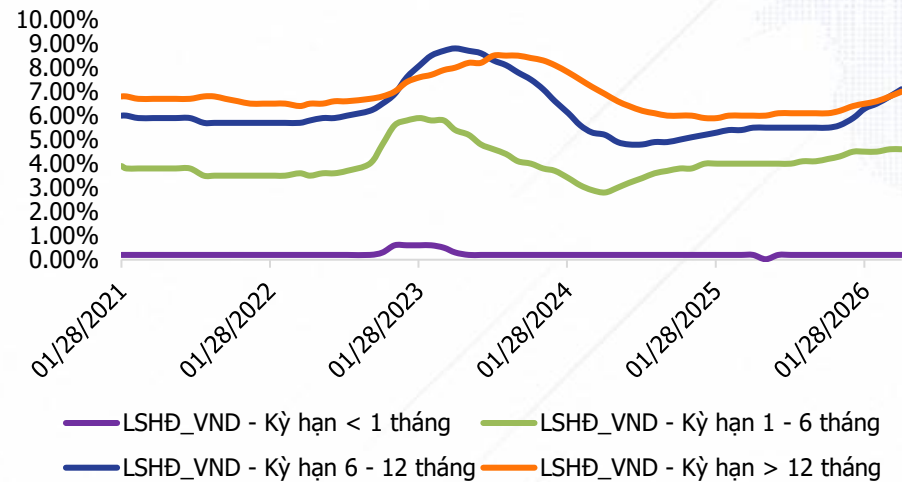


TRIỂN VỌNG NGÀNH VÀ RỦI RO NĂM 2026

LÃI SUẤT CHO VAY



LÃI SUẤT HUY ĐỘNG



Áp lực gia tăng lên mặt bằng lãi suất

Áp lực lên mặt bằng lãi suất được kỳ vọng vẫn duy trì đến cuối năm, dù dư địa tăng mạnh không còn nhiều do Chính phủ tiếp tục định hướng giữ lãi suất ở mức hợp lý nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh tín dụng tăng nhanh hơn huy động, cạnh tranh tiền gửi có thể tiếp tục gia tăng, trong khi nhu cầu vốn cao cũng tạo áp lực lên thanh khoản và thị trường liên ngân hàng.

Chúng tôi cho rằng nếu tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì ở mức cao, lãi suất huy động có thể tăng thêm khoảng 20–30 bps trong nửa cuối năm, chủ yếu tại các ngân hàng có LDR cao và khả năng huy động vốn giá rẻ hạn chế. Qua đó, **chi phí vốn có thể duy trì ở mức cao, tiếp tục gây sức ép lên NIM và làm gia tăng mức độ phân hóa lợi nhuận giữa các ngân hàng trong các quý cuối năm.**

P/B Ngân hàng

Diễn biến P/B ngành ngân hàng



Nhóm cổ phiếu ngân hàng đang giao dịch quanh mức P/B quanh mức STD-1. Mặt bằng định giá đã quay lại vùng thấp trong lịch sử, cho thấy dư địa mở rộng thêm còn khá lớn.

Trong bối cảnh chính sách tiền tệ tiếp tục theo hướng hỗ trợ, tín dụng tăng trưởng tích cực và chất lượng tài sản cải thiện dần, cơ hội sẽ nghiêng về những ngân hàng có câu chuyện riêng cũng như các ngân hàng đã hoàn thiện đầy đủ hệ sinh thái có được điểm tín dụng cao của NHNN từ đó tạo tiền đề để cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao.

P/E Ngân hàng

Diễn biến P/E ngành ngân hàng



Về P/E, chỉ số này của ngành đang giao dịch quanh vùng STD -1 điều này cho thấy cổ phiếu ngân hàng có thể đang được định giá ở vùng thấp hơn so với quá khứ, nhà đầu tư có thể chọn các ngân hàng có câu chuyện riêng và tính tăng trưởng bền vững.

Chính sách tiền tệ tiếp tục theo hướng hỗ trợ tăng trưởng, tạo thêm dư địa cho tín dụng

- Chính sách tiền tệ trong nửa cuối năm được kỳ vọng tiếp tục duy trì theo hướng linh hoạt và hỗ trợ tăng trưởng, khi NHNN chủ trương giữ ổn định lãi suất điều hành, tăng cường cung ứng thanh khoản và yêu cầu các TCTD tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay. Đồng thời, mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 khoảng 15% không được xem là “trần cứng”, tạo dư địa để tín dụng tiếp tục tăng tốc nếu nền kinh tế hấp thụ vốn tốt.
- Bên cạnh đó, TT25/2026/TT-NHNN và QĐ 1743/QĐ-NHNN cho phép 50% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN được tính vào nguồn vốn khi xác định LDR từ ngày 1/8/2026, qua đó giảm áp lực cân đối vốn, đặc biệt đối với nhóm NHTM quốc doanh.
- Ngoài ra, NĐ157/2026/NĐ-CP về cấp bù lãi suất cho các NHTM thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi và TT29/2026/TT-NHNN sửa đổi quy định về hoạt động cho vay tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý hỗ trợ dòng vốn vào nền kinh tế.

Triển vọng kinh doanh duy trì tích cực nhưng sự phân hóa giữa các ngân hàng sẽ rõ nét hơn

- Chúng tôi kỳ vọng kết quả kinh doanh ngành ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tích cực trong nửa cuối năm, với động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng cao, qua đó hỗ trợ NII và mở rộng quy mô tài sản.
- Tuy nhiên, khả năng cải thiện NIM còn hạn chế khi tín dụng tăng nhanh hơn huy động và mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục được định hướng ở mức thấp. Vì vậy, sự phân hóa sẽ ngày càng rõ nét, trong đó nhóm ngân hàng có CASA cao, CAR tốt, chất lượng tài sản ổn định và khả năng kiểm soát chi phí vốn như TCB, MBB có lợi thế hơn về NIM; trong khi VCB, BID và CTG còn được hưởng lợi tương đối rõ từ QĐ 1743 nhờ phần lớn tiền gửi KBNN tập trung tại nhóm NHTM Nhà nước.
- Chúng tôi cho rằng tăng trưởng tín dụng sẽ tiếp tục là động lực chính của lợi nhuận H2/2026, trong khi NIM, chi phí vốn và chất lượng tài sản sẽ quyết định mức độ phân hóa giữa các ngân hàng.

Tăng vốn và mở rộng hệ sinh thái tài chính tạo dư địa tăng trưởng mới

- Xu hướng tăng vốn điều lệ và hoàn thiện hệ sinh thái tài chính được kỳ vọng tiếp tục là động lực quan trọng trong nửa cuối năm 2026, giúp các ngân hàng cải thiện CAR, mở rộng dư địa tín dụng và chuẩn bị cho các yêu cầu cao hơn theo Basel III. Đồng thời, việc phát triển các mảng chứng khoán, bảo hiểm, tài chính tiêu dùng và ngân hàng số sẽ hỗ trợ gia tăng thu nhập ngoài lãi và giảm phụ thuộc vào NII.
- Chúng tôi cho rằng các ngân hàng có nền tảng vốn mạnh và hệ sinh thái hoàn chỉnh sẽ có lợi thế rõ hơn về tăng trưởng và khả năng sinh lời trong trung hạn.

Rủi ro thanh khoản

Tăng trưởng tín dụng đang duy trì ở mức cao trong khi huy động vốn tăng chậm hơn, khiến các ngân hàng phải cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường 1 để đảm bảo nguồn vốn. Trong khi đó, Chính phủ và NHNN vẫn định hướng duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế.

Chúng tôi cho rằng sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động sẽ tiếp tục tạo áp lực lên cost of fund và NIM, đặc biệt tại các ngân hàng có LDR cao, CASA thấp và phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn thị trường.

Rủi ro Hoạt động

Áp lực an toàn vốn gia tăng khi tín dụng và tổng tài sản mở rộng nhanh. Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao làm gia tăng tài sản có rủi ro, qua đó có thể khiến CAR suy giảm nếu tốc độ bổ sung vốn không theo kịp. Trong bối cảnh yêu cầu về quản trị rủi ro, thanh khoản và an toàn vốn ngày càng được nâng cao, các ngân hàng có bộ đệm vốn thấp sẽ chịu áp lực tăng vốn hoặc phải kiểm soát tốc độ tăng trưởng tài sản. Chính phủ cũng đang yêu cầu tăng vốn cho nhóm NHTM Nhà nước và nâng cao năng lực tài chính của hệ thống.

Chúng tôi cho rằng CAR sẽ trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định địa tăng trưởng tín dụng và mức độ phân hóa giữa các ngân hàng trong giai đoạn tới

Rủi ro Tài sản

Chất lượng tài sản và chi phí dự phòng vẫn là yếu tố cần theo dõi. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu có thể được hỗ trợ bởi tốc độ tăng trưởng tín dụng cao, số dư nợ xấu tuyệt đối vẫn có thể tiếp tục gia tăng khi tín dụng mở rộng nhanh, đặc biệt tại các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao. NHNN hiện vẫn yêu cầu kiểm soát chặt tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó đáng chú ý là bất động sản.

Nếu tốc độ hình thành nợ xấu mới tăng nhanh hơn khả năng bổ sung dự phòng, credit cost có thể tiếp tục duy trì ở mức cao và tạo sự phân hóa lớn hơn về lợi nhuận giữa các ngân hàng



CƠ HỘI ĐẦU TƯ

CỔ PHIẾU:

VPB (Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng)

VÙNG GIÁ TRADING:

Vùng mua: 24 – 24.2
Vùng bán: 31.5



Luận điểm đầu tư:

- Dự địa tăng trưởng tín dụng lớn là động lực chính cho kết quả kinh doanh năm 2026. Trong nửa đầu năm, tín dụng tăng 23% YTD, trong khi room của ngân hàng mẹ ở mức 35%, cho thấy ngân hàng vẫn còn khoảng 12% dự địa tăng trưởng. Room tín dụng cao giúp VPB tiếp tục mở rộng cho vay bán lẻ, tiêu dùng và bất động sản, qua đó hỗ trợ tăng trưởng thu nhập lãi và lợi nhuận. Năm 2026, VPB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 41,323 tỷ đồng, tăng 35% YoY; tín dụng tăng 34% và tổng tài sản đạt khoảng 1.63 triệu tỷ đồng.
- Nền tảng vốn được củng cố, tạo dư địa cho tăng trưởng dài hạn. Kế hoạch nâng vốn điều lệ lên hơn 106 nghìn tỷ đồng sẽ giúp VPB cải thiện năng lực tài chính và duy trì hệ số an toàn vốn ở mức cao. Nguồn vốn bổ sung tạo điều kiện để ngân hàng mở rộng quy mô bảng cân đối, gia tăng dư địa tăng trưởng tín dụng và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu an toàn vốn ngày càng chặt chẽ. Đây là nền tảng quan trọng để VPB duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động của thị trường trong trung và dài hạn.

CỔ PHIẾU:

MBB (Ngân hàng TMCP Quân Đội)

VÙNG GIÁ TRADING:

Vùng mua: 19.5-19.8
Vùng bán: 23

Ngân hàng TMCP Quân Đội - 1D - HSX

Volume - Khối lượng 4.399M 14.628M

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40

MA 20.40



Luận điểm đầu tư:

- Mở rộng hệ sinh thái khách hàng tạo dư địa bán chéo lớn: MBB hiện phục vụ khoảng 35 triệu khách hàng, thuộc nhóm có quy mô khách hàng lớn nhất thị trường. Tập khách hàng rộng giúp ngân hàng gia tăng doanh thu từ thanh toán, bảo hiểm, chứng khoán và tài chính tiêu dùng với chi phí thu hút khách hàng thấp.
- Quy mô ngân hàng tiếp tục được nâng lên: MBB đặt mục tiêu tổng tài sản năm 2026 vượt 2.1 triệu tỷ đồng, đồng thời duy trì CAR trên 10.5% và nâng tỷ trọng cho vay bán lẻ thêm 2-3 điểm % mỗi năm. Đây là nền tảng để ngân hàng tiếp tục mở rộng thị phần nhưng vẫn bảo đảm năng lực vốn. MBB dự kiến nâng vốn điều lệ từ 80,550 tỷ đồng lên khoảng 102,687 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 27.5%. Việc bổ sung vốn giúp ngân hàng cải thiện năng lực an toàn vốn, tạo dư địa mở rộng tài sản có rủi ro và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao trong các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 với tổng tỷ lệ 25%, gồm 10% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu, vừa tạo dòng tiền cho cổ đông.
- Tín dụng xanh trở thành động lực tăng trưởng mới: Dư nợ tín dụng xanh của MBB đạt khoảng 68,507 tỷ đồng, tương đương gần 7% tổng tín dụng, trong khi nguồn vốn xanh quốc tế đã giải ngân đạt khoảng 500 triệu USD. Việc phát triển mảng này giúp ngân hàng đa dạng hóa danh mục cho vay và tiếp cận nguồn vốn quốc tế dài hạn.

CỔ PHIẾU:

HDB (Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh)

VÙNG GIÁ TRADING:

Vùng mua: 25.8-26

Vùng bán: 30



Luận điểm đầu tư:

- Tăng trưởng tín dụng cao tạo động lực chính cho lợi nhuận. Đến cuối Q2/2026, dư nợ tín dụng của HDB đạt khoảng 698.4 nghìn tỷ đồng, tăng 18.76% YTD, thuộc nhóm tăng trưởng cao trong hệ thống. LNTT 6T/2026 đạt 13,202 tỷ đồng, +31% svck, trong khi ROE đạt 25.4%, cho thấy khả năng chuyển hóa tăng trưởng tín dụng thành lợi nhuận vẫn tương đối hiệu quả.
- Nền tảng vốn và khả năng huy động tạo dư địa cho giai đoạn tăng trưởng mới. HDB duy trì CAR 16.16% tại Q1/2026, thuộc nhóm cao trong hệ thống, trong khi ngân hàng đã huy động thành công 721 triệu USD từ ADB, Standard Chartered và các định chế tài chính quốc tế. Chúng tôi cho rằng bộ đệm vốn tương đối lớn và khả năng đa dạng hóa nguồn vốn sẽ giúp HDB có lợi thế trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng tín dụng cao mà không tạo áp lực quá lớn lên an toàn vốn.
- Hệ sinh thái tài chính ngày càng hoàn thiện mở rộng dư địa tăng trưởng ngoài tín dụng. Việc nâng tỷ lệ sở hữu tại HD SAISON từ 50% lên 75% giúp HDB tăng mức độ kiểm soát đối với mảng tài chính tiêu dùng, đồng thời hỗ trợ chiến lược xây dựng hệ sinh thái gồm ngân hàng, tài chính tiêu dùng, chứng khoán và ngân hàng số. Trong 6T/2026, thu nhập ngoài lãi tăng 23.1% svck, qua đó giúp đa dạng hóa nguồn thu và giảm dần mức độ phụ thuộc vào NII.

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Hoàng Nguyễn Nhật Linh
Investment Analyst

Email: Linhhnn@nsi.vn

**CÁC SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU
ĐƯỢC CUNG CẤP TRỰC TUYẾN TẠI:**

<http://nsi.com.vn/NSINews.aspx>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Webiste: www.nsi.com.vn | Email: Supports@nsi.vn

Trụ sở chính

Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier,
Số 105 Chu Văn An, P. Yết Kiêu, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24) 3944 5474 | **Fax:** (84-24) 3944 5474

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9, Tòa nhà 66 Phó Đức Chính,
P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3821 7262 | **Fax:** (84-28) 3821 7262

Các báo cáo nghiên cứu chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư. Các báo cáo nghiên cứu không phải lời đề nghị, kêu gọi, mời chào mua hay bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo được chuẩn bị dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của NSI và có thể thay đổi mà không cần thông báo. NSI không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

NSI có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh, với tư cách là một khách hàng sử dụng sản phẩm nghiên cứu. Nhân viên của NSI có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khuyến cáo chung với tất cả các khách hàng mà không cân nhắc khẩu vị rủi ro, năng lực rủi ro, các tiêu chí đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư không nên chỉ dựa vào những khuyến nghị đầu tư (nếu có) trong bản báo cáo này để thay thế cho các quyết định đầu tư độc lập của bản thân. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống và những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai. Trước khi ra quyết định đầu tư, nhà đầu tư nên liên hệ với các cố vấn đầu tư để thảo luận và đưa giá đánh giá cho các trường hợp cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của NSI.

Việc báo cáo nghiên cứu này được phân phối bằng phương thức điện tử không thể đảm bảo tính an toàn, cũng như bị hỏng, bị mất, đến chậm, không đầy đủ hay có chứa các mã độc hại. Do đó nếu báo cáo được phân phối bởi bên thứ ba hoặc có chứa liên kết của bên thứ ba, NSI không xem xét lại và không chịu trách nhiệm cho bất cứ nội dung nào được cung cấp bởi bên thứ ba đó. Người đọc có thể sử dụng bất kỳ phương thức tiếp cận thông tin nào phù hợp và hoàn toàn chịu rủi ro phát sinh.

Trân trọng cảm ơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Website: www.nsi.com.vn | Email: Supports@nsi.vn

Trụ sở chính

Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier,
Số 105 Chu Văn An, P. Yên Kiêu, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24) 3944 5474 | **Fax:** (84-24) 3944 5474

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9, Tòa nhà 66 Phó Đức Chính,
P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3821 7262 | **Fax:** (84-28) 3821 7262